

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bn án số: 10/2024/DS - ST

Ngày: 10-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chín.
2. Bà Phan Thị Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19A/2024/QXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Tuyết V, sinh năm 1954 - ông Lê Văn B, sinh năm 1948 - (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Văn Đức L, sinh năm 1959; anh Văn Đức T, sinh năm 1990 - (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Khánh L1, sinh năm 1960 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn G2, xã G, huyện T1, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B trình bày: Bà với vợ chồng ông Văn Đức L, bà Trần Thị Khánh L1, anh Văn Đức T là chỗ thân quen. Cha vợ của T là cháu của ông B. Do chỗ Hiếu cháu ông B giới thiệu và đảm bảo, tin tưởng nên vào sáng 30/10/2017 khi vợ chồng ông bà đã cho bà Trần Thị Khánh L1, anh Văn Đức T vay 100 triệu đồng (có viết giấy mượn tiền). Khoảng gần 01 tháng sau, ông L đến gặp vợ chồng ông bà nói rằng: vợ chồng ông bà đã giúp cho nhà ông L mượn số tiền 100 triệu nhưng giờ do gia đình ông L đang gặp khó khăn khi xây nhà, các con ông bà cần vốn để chạy xe, kinh doanh nên

hỏi vay thêm vài trăm nữa. Vợ chồng ông bà cũng có chút vốn nên đồng ý cho vợ chồng bà L1, ông L vay thêm số tiền 210.000.000đ (ngoài khoản vay 100 triệu ngày 30/10/2017). Nhưng lần này vay số tiền lớn nên vợ chồng ông bà yêu cầu phải ra Văn phòng công chứng làm hợp đồng vay. Khi đi làm hợp đồng thì cha con ông Văn Đức L, anh Văn Đức T đi, ký tên xác nhận vào hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Lê Việt Cường (thời hạn vay là 02 năm, không ghi lãi suất). Lâu quá ông bà không nhớ chính xác, chỉ nhớ hình như là buổi sáng, vợ chồng ông bà có sẵn 01 khoản tiền mặt, bà (V) vào Chi nhánh Ngân Hàng NN&PTNT huyện Tây Sơn rút số tiền hơn 100 triệu cùng với tiền mặt có sẵn đủ số tiền 210 triệu, vợ chồng ông bà đã giao đủ tiền mặt 210 triệu cho cha con ông L, anh T nhận tại quán nước trước Chi nhánh Ngân Hàng NN&PTNT huyện Tây Sơn, đếm đủ tiền rồi hai bên uống nước xong mới về. Việc giao nhận tiền tại quán nước, khi đó có 1 vài người khách đang uống nước nhưng vợ chồng ông bà không biết họ tên, địa chỉ. Hai bên chỉ giao nhận tiền, không có bàn bạc thỏa thuận gì khác tại quán nước cả. Khoản vay này thì bà Trần Thị Khánh L1 cũng biết ngày từ ban đầu. Việc ông L, anh T nại rằng ngày 30/11/2017 chỉ vay thêm 110 triệu cộng với khoản vay 100 triệu ngày 30/10/2017 thành khoản vay 210 triệu, ký hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng nhưng quên lấy lại giấy mượn tiền ngày 30/10/2017 là không đúng sự thật. Khoản vay này hoàn toàn không liên quan gì đến khoản vay 100 triệu ngày 30/10/2017 cả, nằm ngoài khoản vay 100 triệu đồng vợ chồng ông bà đã cho bà L, anh T vay ngày 30/10/2017. Là chỗ quen biết, được cháu của ông bà đảm Bo nên khi vợ chồng ông L, bà L đến hỏi vay tiếp số tiền 210 triệu để mở rộng kinh doanh thì vợ chồng ông bà đã đồng ý. Khoản vay 210 triệu này được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng vay tiền được lập tại Văn phòng công chứng Lê Việt Cường; vợ chồng ông bà giao đủ tiền còn ông L, anh T ký vào Hợp đồng tại Văn phòng công chứng. Ông L, anh T khai như vậy là không đúng sự thật. Vợ chồng ông bà cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Việt Cường, đối với khoản vay ngày 30/1/2017 ông bà cũng khởi kiện và TAND huyện Tây Sơn đã xét xử ngày 29/5/2024.

Từ khi vay tiền đến nay, ông Văn Đức L, anh Văn Đức T không hề trả cho vợ chồng ông bà một khoản tiền nào kể cả tiền gốc và tiền lãi. Hết hạn 02 năm, vợ chồng ông bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông L, anh T vẫn không chịu trả nợ.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Văn Đức L và anh Văn Đức T có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng ông bà khoản tiền gốc 210.000.000đ về khoản nợ vay ngày 30/11/2017 và khoản tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/11/2017 (ngày vay tiền) cho đến khi trả xong nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Văn Đức L, anh Văn Đức T trình bày: Xác nhận vào ngày 30/10/2017 anh Văn Đức T có vay của vợ chồng bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B số tiền là 100.000.000đ. Khi vay tiền có viết 01 Giấy mượn tiền đề ngày 30/10/2017, số tiền vay 100.000.000đ, thời hạn vay 02 năm, không ghi lãi suất. Người vay tiền và trực tiếp nhận tiền, sử dụng tiền là anh T. Đến ngày 30/11/2017, do cần thêm tiền làm ăn nên anh T vay

thêm của vợ chồng ông B, bà V 110.000.000đ, cộng gộp với số tiền 100.000.000đ vay ngày 30/10/2017 là 210.000.000đ, có lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Việt Cường do anh (T) và cha là ông Văn Đức L cùng ký vào bên vay. Bà V nói gộp 2 khoản vào làm chung một hợp đồng, rồi bà về hủy bỏ giấy mượn tiền ngày 30/10/2017, nên anh T không lấy lại giấy ngày 30/10/2017. Sau đó anh T đã trả được cho bà V tiền lãi trong 10 tháng, 17.000.000đ/tháng. Nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Anh T xác định anh là người sử dụng tiền vay nên có nghĩa vụ trả nợ, anh chấp nhận trả 210.000.000đ tiền vay, trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị Khánh L1 trình bày: Thống nhất toàn bộ như lời khai và yêu cầu của ông Văn Đức L, anh Văn Đức T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B: buộc ông Văn Đức L, anh Văn Đức T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V, ông B 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) về khoản nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 chưa thanh toán; Về tiền lãi: Buộc ông Văn Đức L, anh Văn Đức T phải trả tiền lãi từ ngày 30/11/2017 đến ngày 10/6/2024 theo lãi suất là 10%/năm; đồng thời buộc ông L, anh T tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất 10%/năm. Không chấp nhận yêu cầu của ông L, anh T, bà L nại rằng số tiền 100.000.000đ vay ngày 30/10/2017 đã cộng gộp thành khoản vay 210.000.000đ ngày 30/11/2017; đã trả được 10 tháng tiền lãi theo mức 17.000.000đ/ tháng; chỉ chấp nhận do anh T trả dần khoản vay 210 triệu đồng, trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/ tháng và xin không trả tiền lãi vì không có chứng cứ để chứng minh, bà V, ông B không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Văn Đức L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Khánh L1 vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Văn Đức T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B và bị đơn là ông Văn Đức L, anh Văn Đức T đều thừa nhận: Ngày 30/11/2017 ông Văn Đức L, anh Văn Đức T

đến nhà bà V, ông B hỏi vay tiền. Sau đó, bà V, ông B đồng ý cho vay; hai bên lập Hợp đồng vay tiền với số tiền 210.000.000đ, ghi lãi suất theo quy định, hạn trả nợ là 02 năm; ông L và anh T đồng ký vào Hợp đồng vay tiền. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Việt Cường theo quy định.

Đây là tình tiết mà các đương sự đều thừa nhận, không phải chứng minh, căn cứ quy định tại Điều 92 BLTTDS nên HĐXX công nhận. Áp dụng quy định tại Điều 463, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi.

[3] Ông L, anh T nại rằng: ngày 30/11/2017, do cần thêm tiền làm ăn nên anh T vay thêm của vợ chồng ông B bà V 110.000.000đ, cộng gộp với số tiền 100.000.000đ đồng vay ngày 30/10/2017 là 210.000.000đ, có lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Việt Cường do anh Văn Đức T và ông Văn Đức L cùng ký vào bên vay. Bà V nói gộp 2 khoản vào làm chung một hợp đồng, rồi bà về hủy bỏ giấy mượn tiền ngày 30/10/2017, nên anh T không lấy lại giấy mượn tiền ngày 30/10/2017; Nhưng bên ông L, anh T không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì để chứng minh ngày 30/11/2017 chỉ vay thêm 110.000.000đ; bà V, ông B không thừa nhận. Nội dung hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 cũng không có nội dung nào xác thực lời khai này; Tại biên Bn hòa giải đối thoại ban đầu (Bút lục số 10 - 11) ông Văn Đức L đã thừa nhận vay của bà V, ông B hai lần tiền tổng cộng 310.000.000đ; nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Anh T, ông L nại rằng chỉ có anh T nhận tiền, sử dụng tiền nên người có nghĩa vụ trả nợ là anh T nhưng các bên đều thừa nhận ông L đồng ký vào (bên vay) trong Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc chỉ có anh T vay khoản tiền trên, bên nguyên đơn không chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bên bị đơn.

[4] Từ khi hết hạn vay tiền (01/12/2019) đến nay bên vay tiền vẫn không trả dứt điểm tiền gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. Nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc ông Văn Đức L, anh Văn Đức T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B số tiền: 210.000.000đ về khoản nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 chưa thanh toán. Do vậy, việc anh T, ông L chỉ đồng ý trả số nợ gốc 210.000.000đ theo Hợp đồng vay ngày 30/11/2017 theo phương thức trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/ tháng nhưng bên bà V - ông B không đồng ý, không phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận. Bà L cũng biết rõ về khoản vay này nhưng không có chứng cứ chứng minh bà L cùng sử dụng khoản tiền vay 210 triệu đồng này nên không có căn cứ buộc bà L phải có nghĩa vụ cùng trả khoản nợ vay này.

[5] Về tiền lãi: Trong Giấy mượn tiền chỉ ghi lãi suất theo quy định pháp luật, bên anh T nại rằng đã trả được 10 tháng tiền lãi với mức 17.000.000đ/ tháng nhưng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh. Như vậy, việc bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B yêu cầu anh T, ông L phải trả tiền lãi từ ngày 30/11/2017

(ngày giao kết hợp đồng) cho đến ngày trả xong nợ theo lãi suất do pháp luật quy định là là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự nghị nên chấp nhận. Do đó, cần buộc ông L, anh T phải trả cho bà V - ông B khoản tiền lãi từ ngày 30/11/2017 đến ngày 10/6/2024 (06 năm 06 tháng 11 ngày) với số tiền là: 137.141.663đ. Như vậy, tổng cộng cần buộc anh T, ông L trả cho bà V, ông B số tiền 347.141.663đ. Vì các bên vay mượn sử dụng chung, không có thỏa thuận gì nên cần buộc anh T và ông L có nghĩa vụ liên đới trong việc hoàn trả nợ.

Đồng thời, cần buộc ông L, anh T phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS.

Ông L, anh T xin không phải trả tiền lãi nhưng bà V, ông B không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Anh T, ông L yêu cầu Tòa án nhập vụ án này với vụ án tranh chấp khoản vay 100.000.000đ ngày 30/10/2017 (thụ lý số 88/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, đã xét xử sơ thẩm ngày 29/5/2024). Tuy nhiên, HĐXX xét thấy 02 vụ án xem xét 02 khoản nợ khác nhau, có chứng cứ độc lập, người phải trả nợ cũng khác nhau. Bên anh T, ông L không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh khoản vay 100.000.000đ được cộng gộp thành khoản vay 210.000.000đ - nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì:

- Bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000đ theo biên lai số 0003359 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

- Ông L là người cao tuổi nhưng ông L không làm Đơn yêu cầu xin miễn án phí nên HĐXX không xem xét. Do đó, cần buộc: Ông Văn Đức L, anh Văn Đức T phải chịu án phí với số tiền là: 347.141.663đ x 5% = 17.357.000đ. Mỗi người phải chịu ½ án phí sơ thẩm.

[8] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B:

- Buộc ông Văn Đức L, anh Văn Đức T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B số tiền: 347.141.663đ (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*) về khoản nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 chưa thanh toán; trong đó: tiền gốc là 210.000.000đ; tiền lãi từ ngày 30/11/2017 đến ngày 10/6/2024 là 137.141.663đ. Bên ông L, anh T còn phải tiếp tục trả cho ông B, bà V số tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Bác yêu cầu của ông Văn Đức L, anh Văn Đức T nại rằng: Khoản vay 210.000.000 đồng ngày 30/11/2017 là cộng gộp từ khoản vay 100.000.000đ ngày 30/10/2017; đã trả được 10 tháng tiền lãi theo mức 17.000.000đ/ tháng; chỉ chấp nhận do anh T trả dần khoản vay 210.000.000đ này, trả dần hàng tháng với mức 3.000.000đ/ tháng và xin không trả tiền lãi vì không có chứng cứ để chứng minh, bà V, ông B không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Tuyết V, ông Lê Văn B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0003359 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

- Ông Văn Đức L, anh Văn Đức T mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 8.678.500đ (*Tám triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bn án.

4/ Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp Bn án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Giang Nam